TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 20 - 6 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu và ông Trần Văn Sinh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo :

- Nguyễn Thế A, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1988, tại phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Thị H; có vợ Đào Ngọc O và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: không, tiền án: Có 03 tiền án:

Ngày 09/7/2010 Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt phạt 01 năm tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Ngày 04/4/2012 Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản";

Ngày 17/4/2013 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Ngày 13/9/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, riêng khoản bồi thường về dân sự chưa thực hiện; bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2017 đến ngày 29/01/2018 được tại ngoại (có mặt).

- Đỗ Đình D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1980, tại xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: xóm Đ 2, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình N và bà Trần Thị T; có vợ Hoàng

Thị M (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; tiền sự, tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Lương Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Bàn Minh P, sinh năm 1993, nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Lê Quang V, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

+ Anh Lương Ngọc L, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

+ Ông Trịnh Hữu L (tên gọi khác Trịnh Hữu T), sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

+ Anh Trịnh Tiến L, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, Nguyễn Thế A đang ở nhà tại tổ dân phố Y, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên, thì nhận được điện thoại của Đỗ Đình D, sinh năm 1980 trú tại xóm Đ 2, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên bảo A đi cùng lên Bắc Kạn để hộ D lấy xe mô tô do D gửi ở nhà chị Trần Thị T trú tại tổ 8, phường P, thành phố Bắc Kạn. Sau khi nghe điện thoại, A đồng ý, D đón A, cả hai lên thành phố S, tỉnh Thái Nguyên ăn sáng, sau đó A điều khiển xe mô tô của D chở D lên tỉnh Bắc Kạn. Khi đến địa phận thuộc huyện C, tỉnh Bắc Kạn, A nhìn thấy có biển chỉ dẫn đi vào huyện N, A dừng xe hỏi D "Đường này vào N có ra được nhà em họ anh không". D trả lời "có ra được nhưng xa lắm", A nói tiếp "Nếu ra được thì anh đèo em đi để em xem trên đường có kiếm được con xe nào không, em có mang theo vam phá khóa xe mô tô". Nghe A nói vậy, D nói với A "Lấy xe thì được bao nhiêu tiền", sau đó A lại nói tiếp: "Anh cứ đèo em vào theo con đường này nếu thấy xe máy thì lấy trộm". D đồng ý rồi điều khiển xe chở A đi theo đường đèo Bình Văn Chợ Mới để vào Na Rì, khi đến đầu cầu xã H, huyện N, D và A rẽ trái qua cầu theo Quốc lộ 3B hướng đi Thác Giềng. Khi đến đoạn đường thuộc thôn N, xã H, huyện N, A thấy 01 chiếc xe mô tô BKS 97B1-29260 nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS màu trắng đen đang dựng ở cạnh chuồng trâu ven đường (sau biết là xe của anh P do chị Lương Thị H là vợ anh P; trú tại: Xã V, huyện N đi sang, để xe ven đường xuống ruộng gặt lúa cho bố mẹ đẻ) xe để bên trái đường theo hướng đi của A và D. Khi D đèo A đi qua chiếc xe trên được khoảng 500 m, A nói "Anh ơi, quay xe lại để em lấy trộm chiếc xe", D quay lại, khi đến cách chiếc xe mô tô đang dựng khoảng 14 mét thì D quay xe theo hướng Thác Giềng và dừng xe để A xuống, còn D vẫn ngồi trên xe đang nổ máy. A đến vị trí chiếc xe mô tô và dùng cờ lê 8 và vam phá khóa mà A đã chuẩn bị sẵn từ nhà để phá ổ khóa điện của xe mô tô BKS 97B1-29260. Sau khi phá được ổ khóa điện, A nổ máy, điều khiển

xe mô tô vừa trộm được của anh P, D điều khiển xe mô tô của D rồi cùng nhau đi theo hướng ra Thác Giềng. Lúc này chị Lương Thị H đang hộ gia đình ông Lương Ngọc L gặt lúa ở dưới ruộng, cách vị trí chị H dựng xe khoảng 50 m, chị H nhìn thấy có hai người điều khiển hai xe mô tô đi theo hướng ra Thác Giềng, có một xe mô tô giống như xe mô tô của mình nên chị H hô lên. Nghe vậy ông L chạy lên kiểm tra thì không thấy chiếc xe mô tô đâu, nên định lấy xe mô tô để đuổi theo thì gặp ông Lê Quang V đang điều khiển xe mô tô đi từ xã Q về nhà tại thôn N, xã H, ông L vẫy ông V dừng lại và nói cho ông V biết sự việc mất xe mô tô, ông V cho biết vừa gặp hai người điều khiển hai xe mô tô màu trắng đi được cách đây 01 km. Biết là không đuổi kịp nên ông V gọi điện thoại cho vợ chồng ông Trịnh Hữu L trú tại thôn N, xã T, huyện C để thông tin về việc mất xe mô tô đang chạy ra hướng Thác Giềng và nhờ ông L ra đường phát hiện thì chặn bắt hộ. Còn ông V, chị H và ông Lương Ngọc L cũng dùng xe mô tô đuổi theo sau. Nghe được thông tin, bà Triệu Thị M (vợ ông L) đã báo cho con trai là anh Trịnh Tiến L ở cùng thôn N biết, anh L lấy hai cây mai có sẵn ở cạnh nhà đem ra chặn ngang đường để dừng các xe chạy từ hướng N ra, lúc này ông L bố của anh L cũng đi đến nơi để cùng hộ anh L chặn xe có đặc điểm như đã được báo trước. Khoảng 10 phút sau thì ông L và anh L thấy một người thanh niên (là A) điều khiển xe mô tô đến, lúc này A nhìn thấy có cây đặt ngang để chặn đường, A cố phóng xe đi qua nhưng do xe đâm vào đoạn cây mai nên xe bị đổ làm A ngã xuống đường. Sau đó ông Trịnh Hữu L gọi điện thoại cho ông V để xác minh biển số của chiếc xe bị trộm cắp thì biết đúng là chiếc xe mô tô mà A điều khiển. Nghe thấy ông L gọi điện xác minh biển số xe, A liền bỏ chạy nhưng bị anh L cùng người dân đuổi theo bắt giữ lại và chờ cơ quan chức năng đến làm việc. Lúc sau Công an xã T, huyện C đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa về trụ sở UBND xã T, huyện C, sau đó bàn giao Nguyễn Thế A và tang vật thu giữ được cho Công an huyện N để giải quyết theo quy định. Còn D đi sau, khi mọi người đang giữ A, lợi dụng không ai để ý, D trôi xe mô tô qua và do không ai biết D có liên quan nên anh L cùng mọi người không giữ D lại; Sau đó D đi xe mô tô về thành phố S, tỉnh Thái Nguyên gửi xe mô tô của D tại nhà gửi xe của Bệnh viện C, rồi đi xe khách lên tỉnh C để trốn. Đến ngày 29/3/2018 Đỗ Đình D bị bắt tạm giam. Mục đích A rủ D trộm xe mô tô là để A có xe đi và có ai mua sẽ bán lấy tiền tiêu sài cá nhân; A đã có ý định trộm cắp tài sản từ trước, nên khi đi cùng với D, A đã mang theo vam phá khóa và cờ lê để thực hiện hành vi phạm tội. D biết A có ý định trộm xe mô tô từ thời điểm ở địa phận C có biển chỉ dẫn vào huyện N, khi A nói đi đường này xem có chiếc xe nào thì sẽ lấy trộm và D nghĩ nếu không bị phát hiện sẽ được A chia tiền khi bán xe mô tô trộm cắp mà có. Riêng chiếc xe D chở A đi từ P, tỉnh Thái Nguyên đến huyện N, tỉnh Bắc Kạn, thời gian D đến tỉnh C để lẩn trốn, D khai đã bán chiếc xe trên cho một người Trung Quốc không rõ họ tên, địa chỉ ở địa điểm cửa khẩu Tà Lùng, C với giá 1.000.000,đ. Số tiền này D đã dùng hết để mua ma túy về sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 02/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Na Rì kết luận chiếc xe mô tô BKS 97B1-29260 do Nguyễn Thế A, Đỗ Đình D trộm cắp của anh P có giá trị 13.200.000,đ.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D đã thành khẩn thừa

nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Sau khi sự việc xảy ra, anh Bàn Minh P đề nghị A phải bồi thường số tiền 500.000,đ để sửa chữa xe bị hỏng, do A điều khiển xe bị ngã khi bị chặn bắt. Ngày 28/3/2018, A đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện N nộp số tiền 500.000,đ để bồi thường cho anh P. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Thế A đã bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thái Nguyên xét xử về " Tội trộm cắp tài sản"; Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử cùng về "Tội trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung là "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, các lần phạm tội trước thì A chưa được xóa án tích. Đỗ Đình D chưa có tiền án, tiền sự.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS 97B1-29260 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ngày 30/11/2017.

Số vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 chiếc cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng, có kích thước dài 12 cm.
- 02 đoạn kim loại có kích thước dài bằng nhau 07 cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm.
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng đã cũ, điện thoại không có sim và không có khay đựng sim, số IMEI 1: 865460030262216, số IMEI 2: 865460030262208.
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BLACKBERY, màu trắng viền đen đã cũ, số IMEI: 354011056344466.
- Tiền Việt Nam đồng: 710.000,đ (bảy trăm mười nghìn đồng)

Đối với chiếc xe mà Đỗ Đình D dùng để chở Nguyễn Thế A đến huyện N để trộm cắp tài sản, D khai đã bán chiếc xe trên cho một người Trung Quốc không rõ họ tên, địa chỉ nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để truy tìm và thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thế A đã nộp số tiền 500.000,đ để bồi thường cho anh Bàn Minh P.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-NR ngày 06/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, truy tố Nguyễn Thế A về: "Tội Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; truy tố Đỗ Đình D về: "Tội Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thu thập trong quá trình điều tra.

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, theo đơn xin xét xử vắng mặt bị hại nêu quan điểm: Về chiếc xe bị trộm cắp đã nhận lại từ cơ quan điều tra không có ý kiến gì, nay yêu cầu Nguyễn Văn A phải bồi thường tiền sửa xe do bị hỏng là: 500.000,đ

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn A nhất trí bồi thường số tiền 500.000,đ mà bị hại đưa ra và bị cáo đã nộp số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D phạm "Tội trộm cắp tài sản";

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Nguyễn Thế A từ 03 năm đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 31/10/2017 đến ngày 29/01/2018; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt: Đỗ Đình D từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Nguyễn Thế A và người bị hại; xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng, có kích thước dài 12 cm và 02 đoạn kim loại có kích thước dài 07 cm. một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm; trả lại cho Nguyễn Thế A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng đã cũ, điện thoại không có sim và không có khay đựng sim, số IMEI 1: 865460030262216, số IMEI 2: 865460030262208 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BLACKBERY, màu trắng viền đen đã cũ có số IMEI: 354011056344466; tạm giữ số tiền 710.000,đ (bảy trăm mười nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho Nguyễn Thế A.

Các bị cáo Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và những người làm chứng. Kiểm sát viên nêu quan điểm bị hại, những người làm chứng đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án và có đơn xin vắng mặt. Nên việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo. Các bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt bị hại, những người làm chứng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của họ tại cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, Nguyễn Thế A được D gọi điện thoại nhờ đi cùng lên Bắc Kạn để hộ D lấy xe mô tô do D gửi ở nhà người quen. Khi đến địa phận

thuộc huyện C, tỉnh Bắc Kạn, A bảo D điều khiển xe chở A đi theo hướng vào xã N, huyện C đến huyện N tìm xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp, D Đồng ý. Khi đến đường Quốc lộ 3B các bị cáo theo hướng đi Thác Giềng, đến đoạn đường thuộc thôn N, xã H, huyện N, A thấy 01 chiếc xe mô tô BKS 97B1-29260 nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS đang dựng ở cạnh chuồng trâu ven đường. A dùng cờ lê 8 và vam phá khóa ổ khóa điện của xe mô tô trên, rồi đấu điện nổ máy, điều khiển xe mô tô vừa trộm được, D điều khiển xe mô tô của D rồi cùng nhau đi theo hướng ra Thác Giềng. Khi đến khu vực thôn N, xã T, huyện C thì A bị người dân chặn bắt và báo cho Công an xã T, huyện C đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Còn D đi sau A, không bị người dân phát hiện bắt giữ nên đã bỏ trốn sau đó.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 02/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận chiếc xe mô tô BKS 97B1-29260 do Nguyễn Thế A, Đỗ Đình D trộm cắp có giá trị 13.200.000,đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm "Tội trộm cắp tài sản", được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Nguyễn Thế A thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Đình D phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự,

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)…

c) Tái phạm nguy hiểm;

… ".

Khi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Nguyễn Thế A: Trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thái Nguyên xét xử về "Tội trộm cắp tài sản"; Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử cùng về "Tội trộm cắp tài sản". Các lần phạm tội trước thì A chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, g, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, nhưng có nhân thân xấu, có 03 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm c

khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng biện pháp cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đỗ Đình D chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố là ông Đỗ Đình N được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất theo Quyết định số 1319 ngày 09/8/1997 nên được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bản thân bị cáo là người nghiện chất ma túy, gia đình và địa phương nơi bị cáo cư trú đã sử dụng nhiều biện pháp cai nghiện, nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ được chất ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng biện pháp cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời để bị cáo cai nghiện, đoạn tuyệt với chất ma túy.

Về vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án: Đỗ Đình D mặc dù không có sự bàn bạc trước với A về việc trộm cắp xe mô tô, nhưng khi A rủ rê thì D đã đồng ý và chở A bằng xe mô tô của D đến huyện N, tỉnh Bắc Kạn để A trộm cắp xe mô tô, nên xác định đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. A là người chủ mưu và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Còn D là người phạm tội với vai trò giúp sức, nên khi lượng hình cần xem xét để áp dụng hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu là làm ruộng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng là có căn cứ. Mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt Nguyễn Thế A từ 03 năm đến 05 năm tù và Đỗ Đình D từ 06 tháng đến 09 tháng tù là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn trắng - đen, vành đúc, BKS 97B1-29260 vật chứng của vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ngày 30/11/2017 và anh P đã nhận lại. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại yêu cầu bị cáo A phải bồi thường số tiền 500.000,đ để sửa chữa xe. Bị cáo A nhất trí bồi thường số tiền 500.000,đ cho anh P. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo A và anh P.

[5] Xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng, có kích thước dài 12 cm và 02 đoạn kim loại có kích thước dài 07 cm. một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng đã cũ, điện thoại không có sim và không có khay đựng sim, số IMEI 1: 865460030262216, số IMEI 2: 865460030262208 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BLACKBERY, màu trắng viền đen đã cũ có số IMEI: 354011056344466 tạm giữ

của Nguyễn Thế A, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 710.000,đ đã tạm giữ của Nguyễn Thế A không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Nguyễn Thế A.

Đối với chiếc xe mô tô mà Đỗ Đình D dùng để chở Nguyễn Thế A đến huyện N để trộm cắp tài sản, D khai đã bán chiếc xe trên cho một người Trung Quốc không rõ họ tên, địa chỉ nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để truy tìm và thu giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế A, Đỗ Đình D phạm "Tội trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: điểm c, khoản 2 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt: Nguyễn Thế A 30 (ba mươi) tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày từ ngày 31/10/2017 đến ngày 29/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt: Đỗ Đình D 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thế A bồi thường cho anh Bàn Minh P với số tiền là 500.000,đ (năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 500.000,đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai thu tiền số 01013 ngày 28 tháng 3 năm 2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106/BLTTHS năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cơ lê 8 bằng kim loại màu trắng, có kích thước dài 12 cm và 02 đoạn kim loại có kích thước dài 07 cm. một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm.

- Trả lại cho Nguyễn Thế A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng đã cũ, điện thoại không có sim và không có khay đựng sim, số IMEI 1: 865460030262216, số IMEI 2: 865460030262208 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BLACKBERY, màu trắng viền đen đã cũ có số IMEI: 354011056344466.

- Tạm giữ số tiền 710.000,đ (bảy trăm mười nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho Nguyễn Thế A. Sau khi khấu trừ các khoản phải nộp số còn lại trả cho bị cáo A.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2018 và biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu ngày 22/5/2018 giữa cơ quan Điều tra Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc Nguyễn Thế A và Đỗ Đình D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người dược thi hành án dân sự; người phải thi thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Thắng

Nơi nhận:
-VKSND huyện(02b);
-TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(02b);
- Người bị hại(01b);
- Người có QLNVLQ(01b);
- THA dân sự(01b);
-THA hình sự(01b);
-Hồ sơ CA huyện(01b);
-Sở Tư pháp tỉnh (01b);
-Lưu hồ sơ vụ án(01b);
-CT phiên toà(01b);
-Lưu TA.